

TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO THÔNG TƯ SỐ 14/2014/TT-BKHCN

ThS Phan Huy Quế

Tóm tắt: Phân tích những lợi ích cơ bản trong việc ứng dụng thông tin từ kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN (KQNC). Giới thiệu hệ thống văn bản pháp luật về ứng dụng KQNC và những nội dung mang tính “đột phá” về ứng dụng KQNC trong Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN của Bộ KH&CN. Phân tích một số trở ngại chủ yếu trong việc triển khai thực hiện Thông tư nói trên và đề xuất giải pháp khắc phục.

Từ khóa: Ứng dụng kết quả nghiên cứu; Thông tư số 14/2014-TT-BKHCN; nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Promoting the application of R&D results according to the Circular No.14/2014/TT-BKHCN

Abstract: Analyzing key benefits in applying information of S&T project results. Introducing legal documents in applying S&T project results as well as “breakthrough” contents in applying S&T project results according to the Circular No.14/2014/TT-BKHCN of the Ministry of Science and Technology. Analyzing main obstacles in implementing the Circular and recommending solutions.

Keywords: Applying S&T project results; Circular 14/2014/TT-BKHCN; R&D results.

1. Đặt vấn đề

Một trong những nội dung chủ yếu của hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) là việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Ở nước ta hiện nay, theo tiêu chí nguồn kinh phí đầu tư, có hai loại nhiệm vụ KH&CN cơ bản là nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) và nhiệm vụ KH&CN không sử dụng NSNN, trong đó loại thứ nhất chiếm tỷ lệ áp đảo. Quá trình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN nói trên tạo ra một nguồn thông tin đặc biệt mà nếu biết sử dụng nó một cách có hiệu quả thì sẽ trở thành yếu tố thiết yếu của năng lực đổi mới và động lực cơ bản cho sự phát triển của đất nước. Nguồn thông tin đặc biệt nói trên là kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN (sau đây gọi là kết quả nghiên cứu - KQNC). Đây là “tập hợp tài liệu về kết quả thu được từ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện

nhiệm vụ; phụ lục tổng hợp các số liệu điều tra, khảo sát; bản đồ; bản vẽ; ảnh; tài liệu đa phương tiện; phần mềm” [2]. Trong bối cảnh nguồn kinh phí đầu tư cho thực hiện các nhiệm vụ KH&CN chủ yếu là từ NSNN, các KQNC cần phải được ứng dụng vào thực tế một cách hiệu quả nhất, nhằm khai thác triệt để các giá trị thông tin của KQNC phục vụ phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) của đất nước. Việc ứng dụng thông tin của KQNC mang lại những lợi ích cơ bản như sau:

- *Cung cấp các phát hiện, sáng tạo mới - cơ sở để tạo ra các sản phẩm mới cho xã hội:* hoạt động nghiên cứu khoa học là quá trình con người thâm nhập vào thế giới của những sự vật, hiện tượng mà họ chưa khám phá được bản chất. Do đó, quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học là quá trình hướng tới những phát hiện hoặc sáng tạo mới. Vì vậy, tính mới là tính tất yếu của kết quả nghiên cứu khoa học. Tính mới của KQNC có đặc điểm liên hoàn thể hiện ở chỗ một phát hiện, sáng

Nghiên cứu - Trao đổi

tạo mới của một KQNC có thể là tiền đề cho những phát hiện, sáng tạo mới của một KQNC khác. Hoặc một phát hiện, sáng tạo mới của một KQNC có thể là cơ sở hình thành một công nghệ mới dẫn đến sự xuất hiện của một sản phẩm mới. Từ sản phẩm mới này lại có thể hình thành các ý tưởng nghiên cứu, cải tiến để tạo ra những phát hiện, sáng tạo mới khác. Đây chính là lý do thông tin trong báo cáo KQNC cần phải được phổ biến một cách nhanh chóng, kịp thời và rộng khắp để phát huy cao nhất hiệu quả của chúng đối với cộng đồng;

- *Đảm bảo tính kế thừa, giảm thiểu lãng phí trong nghiên cứu:* thực tế tiến hành các nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN ngày nay cho thấy không có đề tài nghiên cứu khoa học nào bắt đầu từ chỗ không có gì. Mỗi đề tài nghiên cứu dù ít hoặc nhiều, đều kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài khác. Việc kế thừa thành quả nghiên cứu, một mặt giúp các nhà nghiên cứu tiết kiệm thời gian, tiền của và công sức, tránh lãng phí cho NSNN; Mặt khác, giúp họ có được nguồn thông tin tham khảo có hệ thống và đảm bảo độ tin cậy. Hơn nữa, kế thừa thành quả nghiên cứu cũng là gián tiếp khắc phục hiện tượng nghiên cứu trùng lặp;

- *Giúp loại bỏ hiện tượng trùng lặp trong nghiên cứu:* như đã trình bày ở trên, hoạt động nghiên cứu khoa học ở nước ta hiện nay chủ yếu được thực hiện bằng nguồn kinh phí từ NSNN và được phân bổ theo kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ KH&CN chỉ trực tiếp quản lý các đề tài, dự án thuộc chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước, đề tài, dự án độc lập cấp nhà nước và các nhiệm vụ thực hiện theo Nghị định thư. Các đề tài, dự án cấp bộ, tỉnh, thành phố và cấp cơ sở thuộc phạm vi và trách nhiệm quản lý của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Với cơ chế quản lý như

vậy, nếu không có được hệ thống thông tin thông suốt về các nhiệm vụ KH&CN giữa Trung ương với bộ, ngành, địa phương và giữa các bộ, ngành, địa phương với nhau thì rất dễ xảy ra hiện tượng trùng lặp đề tài nghiên cứu, gây lãng phí ngân sách và công sức của các nhà nghiên cứu. Tránh được việc trùng lặp đề tài, không chỉ giúp tiết kiệm được tiền của, mà còn phát huy hiệu quả đầu tư của Nhà nước cho KH&CN, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN;

- *Góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về KH&CN:* một trong các đường lối chiến lược phát triển KH&CN phục vụ CNH-HĐH đất nước mà Đảng và Nhà nước đã đề ra là tăng cường tính công khai, minh bạch trong thực hiện các nhiệm vụ KH&CN và tăng cường phát triển thị trường công nghệ. Tăng cường ứng dụng KQNC là nhằm hiện thực hóa chủ trương này, thể hiện ở việc công khai các thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN sử dụng kinh phí từ NSNN. Qua đó một mặt củng cố niềm tin của cộng đồng nói chung và các tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nói riêng đối với hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN. Mặt khác, tạo điều kiện thuận lợi để nhanh chóng áp dụng KQNC vào thực tiễn cuộc sống, giúp các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN nắm bắt thông tin và đánh giá được tác động của KH&CN đối với phát triển KT-XH thông qua việc thống kê, tổng hợp kết quả ứng dụng các KQNC vào thực tiễn cuộc sống [8,9].

2. Bước đột phá của cơ sở pháp lý về ứng dụng KQNC: Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN

2.1. Cơ sở pháp lý về ứng dụng KQNC trước Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN

Có thể nói, ngay từ những bước đi ban đầu của hoạt động nghiên cứu khoa học, việc ứng

Nghiên cứu - Trao đổi

dụng KQNC đã được điều chỉnh bằng cơ sở pháp lý chặt chẽ. Sắp xếp theo thời gian, cơ sở pháp lý về ứng dụng KQNC bao gồm hệ thống các văn bản pháp luật chủ yếu sau đây:

- *Quyết định số 271-QĐ ngày 06/6/1980 của Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước ban hành Quy định về đăng ký Nhà nước đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật (KHKT) và nộp báo cáo KQNC cùng các biểu mẫu đăng ký và Thông tư số 648/THKH ngày 06/6/1980 của Ủy ban KHKT Nhà nước hướng dẫn thi hành Quy định về đăng ký Nhà nước đề tài nghiên cứu KHKT và nộp báo cáo KQNC:*

Hai văn bản nói trên đều nêu rõ mục đích của việc đăng ký đề tài đang tiến hành và giao nộp báo cáo KQNC các đề tài đã nghiệm thu là nhằm thống nhất quản lý công tác nghiên cứu KHKT trong toàn quốc, cho phép tập trung KQNC vào sự quản lý thống nhất của Nhà nước (đại diện là Ủy ban KHKTNN, tiền thân của Bộ KH&CN hiện nay) để sử dụng vì lợi ích chung của toàn xã hội; giúp Nhà nước nắm được đầy đủ và toàn diện KQNC của từng cơ sở; tránh hiện tượng nghiên cứu trùng lặp; làm cơ sở để Nhà nước công nhận quyền tác giả của công trình nghiên cứu; tạo điều kiện để kịp thời sử dụng các thành tựu nghiên cứu đã đạt được ở trong nước; giúp Nhà nước xây dựng kho tra cứu tin và kho lưu trữ Quốc gia về toàn bộ các công trình nghiên cứu KHKT trong toàn quốc.

- *Luật Khoa học và Công nghệ 2013:*

Ngoài các quy định về đăng ký, hiến, tặng, lưu giữ KQNC, Luật Khoa học và Công nghệ có những quy định cụ thể về sử dụng KQNC, như: trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; quyền sở hữu và quyền tác giả; phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả

nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN; trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng KH&CN trong dự án đầu tư, chương trình phát triển KT-XH; khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo; trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN.

- *Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN ngày 16/3/2007 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN:*

Quy chế nói trên quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ và phổ biến KQNC trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu, mạng thông tin và công bố thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký; biên soạn và xuất bản ấn phẩm; xây dựng nội quy lưu giữ và sử dụng thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký [1,3,4,5].

- *Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN:*

Trong Nghị định trên, ngoài việc quy định các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN trong việc tổ chức và thực hiện việc đăng ký, lưu giữ KQNC, còn có những quy định cụ thể về việc tổ chức sử dụng KQNC, như: trách nhiệm tổng hợp và cập nhật thông tin về KQNC vào cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về KH&CN; công bố công khai thông tin về KQNC trên các trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử; sử dụng thông tin về KQNC trong CSDL quốc gia về KH&CN để xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện, đánh giá kết quả, xử lý vi phạm nhiệm vụ

Nghiên cứu - Trao đổi

KH&CN sử dụng NSNN; quy định kết quả tra cứu thông tin về nhiệm vụ KH&CN là một trong những tài liệu trong hồ sơ xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN [2].

Sơ bộ tổng hợp các thông tin từ Quyết định số 271-QĐ đến Nghị định số 11/2014/NĐ-CP, có thể thấy: theo dòng thời gian, cơ sở pháp lý về ứng dụng KQNC ngày càng hoàn thiện và cụ thể hơn. Từ chỗ chỉ quy định chung trách nhiệm công bố thông tin về KQNC, tiến tới các quy định cụ thể về mục đích, trách nhiệm và phương thức ứng dụng KQNC. Tuy nhiên, cơ sở pháp lý về ứng dụng KQNC chỉ thực sự có bước đột phá khi Bộ KH&CN ban hành Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN.

2.2. Những nội dung chủ yếu về ứng dụng KQNC trong Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN

Nội dung về ứng dụng KQNC được thể hiện tại các điều từ 19 đến 26 của chương IV và V trong Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN, gồm các quy định công bố thông tin về KQNC và thu thập thông tin về ứng dụng KQNC. Trong đó, nội dung công bố thông tin về KQNC có vai trò hết sức quan trọng đối với việc thúc đẩy ứng dụng các KQNC bằng các quy định sau đây:

- Trách nhiệm của tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN trong việc cập nhật thông tin về KQNC vào CSDL quốc gia về KH&CN theo phân cấp, tổng hợp và công bố danh mục các nhiệm vụ KH&CN đã hoàn thành trên trang thông tin điện tử;

- Nội dung thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được công bố công khai trên trang thông tin điện tử;

- Thời hạn các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN gửi báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu và đăng ký kết quả thực hiện trong năm về cơ quan nhà nước quản lý về KH&CN của bộ, ngành, địa phương và Cục Thông tin KH&CN quốc gia để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trách nhiệm của Cục Thông tin KH&CN quốc gia trong việc công bố báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ KH&CN các cấp được nghiệm thu và đăng ký kết quả thực hiện trong năm, công bố danh mục kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp trên trang thông tin điện tử và liên kết với trang thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN không sử dụng NSNN [6].

So với các văn bản pháp luật về ứng dụng KQNC trước đây, Thông tư 14/2014/TT-BKHCN có những nội dung cơ bản mang tính chất đột phá như sau:

- Thiết lập được mối quan hệ liên hoàn, chặt chẽ giữa các công đoạn của quy trình tạo lập KQNC, từ thời điểm hình thành các nhiệm vụ KH&CN đến thời điểm kết thúc nhiệm vụ, nghiệm thu, ứng dụng KQNC; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu thập và quản lý thông tin phục vụ đánh giá tác động của KH&CN đối với phát triển KT-XH;

- Bao quát đầy đủ các nguồn hình thành KQNC. Bên cạnh các KQNC được hình thành từ các nhiệm vụ KH&CN sử dụng hoặc không sử dụng NSNN, đã bổ sung *KQNC được mua bằng NSNN*, là loại KQNC chưa từng hiện diện trong các văn bản pháp lý trước đây;

- Nội dung các quy định chi tiết, rõ ràng. Đặc biệt, hệ thống biểu bảng đầy đủ và khoa học, là cơ sở để thống kê, đánh giá một cách

Nghiên cứu - Trao đổi

toàn diện các nội dung của hoạt động ứng dụng KQNC.

3. Vẫn còn những trở ngại

Mặc dù đã có những nội dung mang tính đột phá trong quy định về ứng dụng KQNC, việc triển khai những quy định này vào thực tiễn không phải không có những trở ngại. Điều này là tất nhiên bởi lẽ kết quả triển khai một văn bản pháp luật phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, đặc biệt là các yếu tố khách quan mà trong nhiều trường hợp là sức cản đáng kể đối với hiệu quả thực thi văn bản pháp luật. Đối với Thông tư 14/2014/TT-BKHCN, việc triển khai những quy định về ứng dụng KQNC có thể gặp phải những trở ngại khách quan chủ yếu sau đây:

- *Thứ nhất*, khó kiểm soát được toàn bộ thông tin về hoạt động ứng dụng KQNC:

Hoạt động ứng dụng KQNC, hiểu một cách đơn giản, là việc chuyển giao KQNC từ *người có KQNC* cho *người cần KQNC*. Thông tư 14/2014/TT-BKHCN chỉ điều chỉnh được ba thành phần của người có KQNC, gồm:

a) Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng KQNC sử dụng NSNN;

c) Tổ chức, cá nhân sở hữu KQNC từ các nhiệm vụ KH&CN không sử dụng NSNN.

Thực tế hoạt động KH&CN ở nước ta hiện nay cho thấy, chiếm số lượng đông đảo nhất trong thành phần người có KQNC là các cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN (còn gọi là các chủ nhiệm đề tài, dự án). Hơn ai hết, những người này hiểu rõ giá trị KQNC do mình tạo ra, hiểu rõ có thể chuyển giao KQNC cho ai để có thể thu được

lợi ích cao nhất. Với cơ chế quản lý KH&CN hiện hành, họ chỉ có trách nhiệm giao nộp một bản báo cáo KQNC cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN có thẩm quyền và cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN (nếu có). Sau đó, họ có thể chuyển giao KQNC cho bất kỳ ai, vào bất kỳ thời điểm nào, khiến tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN các cấp rất khó nắm bắt thông tin về ứng dụng KQNC.

- *Thứ hai*, khó thống kê việc ứng dụng KQNC phục vụ các hoạt động QLNN, nghiên cứu và phát triển (NC&PT) và giáo dục đào tạo (GDĐT):

Theo lý thuyết, các KQNC có thể được ứng dụng trong các lĩnh vực hoạt động chủ yếu là: QLNN, NC&PT, GDĐT và sản xuất-kinh doanh (SXKD). Nếu như trong lĩnh vực SXKD, việc nhận dạng hoạt động/kết quả ứng dụng KQNC là rõ ràng, đơn giản thì trong ba lĩnh vực còn lại việc này lại khá phức tạp và khó khăn. Lý do gây nên sự khác biệt này có lẽ là từ kết quả ứng dụng KQNC: trong lĩnh vực SXKD, kết quả ứng dụng đa phần là những sản phẩm hàng hóa, những thứ có thể cảm nhận được bằng mắt, bằng tay. Ngược lại, trong các lĩnh vực còn lại, kết quả ứng dụng là những thông tin dưới dạng các KQNC mới, rất khó nắm bắt, cảm nhận được như đối với sản phẩm hàng hóa. Trong thực tế, số lượng KQNC ứng dụng trong các lĩnh vực QLNN, NC&PT và GDĐT thường lớn hơn nhiều so với số lượng KQNC ứng dụng để tạo ra sản phẩm hàng hóa trong lĩnh vực SXKD. Theo thống kê cá nhân của tác giả bài viết này^(*), trong giai đoạn 2001-2005, tỷ lệ sử dụng KQNC (chủ yếu là đọc tại kho KQNC của Cục) phân chia theo các lĩnh vực hoạt động như trong Bảng 1 dưới đây.

^(*) Tác giả bài viết này làm nhiệm vụ đăng ký KQNC tại Cục Thông tin KHCNQG giai đoạn 1994-2012

Nghiên cứu - Trao đổi

Bảng 1. Hoạt động sử dụng KQNC tại Cục Thông tin KH&CNQG giai đoạn 2001-2005

Đơn vị tính: %

Năm Lĩnh vực	2001	2002	2003	2004	2005
<i>QLNN</i>	10,3	11,7	15,0	9,1	14,0
<i>NC&PT</i>	45,7	44,0	38,2	40,7	37,0
<i>GDĐT</i>	38,5	39,5	41,0	46,5	45,5
<i>SXKD</i>	5,5	4,8	5,8	5,7	4,5

Số liệu ở bảng trên tuy không phải là số liệu thống kê chính thống và cũng chưa phải là các mẫu đại diện phản ánh hoạt động sử dụng KQNC nhưng cũng có thể được coi là phần chính của bức tranh toàn cảnh về hiện trạng sử dụng KQNC giai đoạn 2001-2005, bởi lẽ Cục Thông tin KH&CN quốc gia là nơi duy nhất đăng ký và lưu giữ KQNC của đề tài, dự án các cấp thực hiện trên phạm vi toàn quốc. Trong bảng trên, tỷ lệ sử dụng KQNC phục vụ SXKD là không đáng kể. Theo chúng tôi, nguyên nhân chủ yếu là do số lượng KQNC có thể chuyển thành công nghệ không nhiều. Qua công tác đăng ký KQNC tại Cục Thông tin KH&CN quốc gia cho thấy: hầu như chưa có KQNC nào có giấy chứng nhận đăng ký sáng chế trong hồ sơ đăng ký và giao nộp KQNC tại Cục trong suốt thời gian dài vừa qua. Hiện trạng này có thể do chưa có những đề tài, dự án mà kết quả có thể chuyển thành công nghệ hoặc có nhưng không được đăng ký và giao nộp kết quả tại Cục.

- Thứ ba, các chế tài để kích “cầu” chưa đủ mạnh:

Như đã trình bày ở các phần trên, nhu cầu thông tin đối với KQNC trong lĩnh vực SXKD là khá rõ ràng, dễ nắm bắt và đáp ứng. Để kích “cầu”, chỉ cần KQNC có thể chuyển thành công nghệ và thông tin về KQNC đến được với người có nhu cầu. Ngược lại, trong các lĩnh vực QLNN, NC&PT và GDĐT, nhu cầu thông tin đối với KQNC rất khó nắm bắt.

Lượng và chất thông tin kế thừa trong sản phẩm của các lĩnh vực này là trừu tượng, rất khó xác định. Với cơ chế hoạt động KH&CN hiện nay, một trong những thuận lợi trong việc kích cầu đối với KQNC trong các lĩnh vực này là Nhà nước có thể sử dụng công cụ tài chính. Tuy nhiên, công cụ tài chính lại không nằm trong tay những người trực tiếp quản lý KQNC. Đó có thể là lý do trong Thông tư 14/2014/TT-BKHCN các quy định về ứng dụng KQNC khá đầy đủ, chi tiết nhưng chế tài thì khá mờ nhạt. Để có thể sử dụng hữu hiệu công cụ tài chính, lại sẽ cần một loạt văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan QLNN có thẩm quyền khác. Điều này dễ gây nên sự thiếu quyết liệt và đồng bộ đối với các chế tài liên quan đến ứng dụng KQNC.

4. Giải pháp khắc phục trở ngại

Để tăng cường ứng dụng KQNC, theo chúng tôi, cần có những giải pháp đồng bộ trên cơ sở tham gia, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan QLNN về KH&CN với các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN các cấp. Do khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ đề xuất hai nhóm giải pháp cơ bản là *giải pháp hành chính* và *giải pháp tài chính*.

4.1. Giải pháp hành chính

Cơ sở của giải pháp hành chính là việc đa phần KQNC hiện nay được tạo ra từ các nhiệm vụ KH&CN các cấp do Nhà nước cấp

Nghiên cứu - Trao đổi

kinh phí. Vì vậy, Nhà nước cần có các giải pháp hành chính để quản lý quá trình thực hiện cũng như việc sử dụng KQNC của các đề tài, dự án nói trên. Các giải pháp hành chính được đề xuất như sau:

- Quy định về việc cung cấp thông tin phục vụ thẩm định nhiệm vụ KH&CN:

Hiện nay, việc cung cấp thông tin phục vụ hoạt động thẩm định các nhiệm vụ KH&CN mới chỉ được chính thức quy định đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia. Trong Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26/5/2014 của Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng NSNN có mẫu phiếu kết quả tra cứu thông tin về các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm có liên quan đến đề xuất đặt hàng đã và đang thực hiện (mẫu C0-KQTrC). Trong đó yêu cầu những thông tin như: tên đề tài/dự án, năm bắt đầu-kết thúc, mục tiêu, kết quả đã (hoặc dự kiến) đạt được và tên tổ chức và cá nhân chủ trì [7]. Tuy phiếu nói trên có yêu cầu chữ ký của thủ trưởng và dấu của tổ chức/cơ quan cung cấp thông tin nhưng không quy định tổ chức/cơ quan nào có thẩm quyền cung cấp thông tin. Để việc cung cấp thông tin phục vụ hoạt động thẩm định các nhiệm vụ KH&CN được đầy đủ, chính xác và khách quan, chúng tôi đề xuất giải pháp như sau:

+ Việc cung cấp thông tin phục vụ thẩm định các nhiệm vụ KH&CN là bắt buộc với tất cả các nhiệm vụ KH&CN các cấp sử dụng NSNN;

+ Nguồn chính thống cung cấp thông tin phục vụ thẩm định các nhiệm vụ KH&CN là CSDL quốc gia về KH&CN. Đơn vị có chức năng cung cấp thông tin phục vụ thẩm định các nhiệm vụ KH&CN là các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN các cấp. Quy định này hợp lý ở chỗ các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN là nơi đăng ký, lưu giữ và phổ biến KQNC, tập trung số lượng KQNC lớn,

bao quát đầy đủ các lĩnh vực KT-XH. Các KQNC được xử lý bằng nghiệp vụ thông tin và được lưu giữ trong hệ thống CSDL quốc gia về KH&CN nên rất thuận lợi cho việc khai thác, tổng hợp thông tin. Vì vậy, hơn ai hết, các tổ chức này có đủ điều kiện và năng lực cung cấp đầy đủ, chính xác và khách quan thông tin phục vụ thẩm định các nhiệm vụ KH&CN.

- Quy định việc sử dụng thông tin trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

Sử dụng thông tin là kế thừa KQNC của các nhiệm vụ KH&CN đã thực hiện. Đây là một trong những nguyên tắc của hoạt động nghiên cứu khoa học, giúp các nhà nghiên cứu tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí, đồng thời có được cái nhìn tổng thể, toàn diện và hệ thống về đối tượng nghiên cứu. Trong quy trình thực hiện các đề tài, dự án hiện nay, thông tin về việc kế thừa KQNC được thể hiện trong mục tổng quan về kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước (mục bắt buộc có trong Bản thuyết minh và Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN). Để có được thông tin tổng quan đầy đủ, chất lượng và khách quan, chúng tôi đề xuất giải pháp như sau:

+ Ưu tiên sử dụng thông tin về KQNC từ CSDL quốc gia về KH&CN do các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cung cấp. Quy định này hợp lý ở chỗ, thông qua việc cung cấp thông tin, các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN chủ động nắm bắt được hoạt động ứng dụng KQNC, tạo điều kiện cho công tác thống kê, công bố thông tin về ứng dụng KQNC được đầy đủ, chính xác và kịp thời;

+ Ngoài việc thu thập thông tin từ các tổ chức/cá nhân ứng dụng KQNC như quy định trong Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN, các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN phải chủ động nắm bắt việc ứng dụng KQNC thông qua các hoạt động: cung cấp thông tin trong

Nghiên cứu - Trao đổi

quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN; đọc thông tin tại phòng đọc KQNC; v.v. Đặc biệt phải có giải pháp kỹ thuật và công nghệ để nắm bắt, thống kê đầy đủ hoạt động ứng dụng KQNC trong các lĩnh vực QLNN, NCPT và GDĐT.

4.2. Giải pháp tài chính

Cũng như giải pháp hành chính, giải pháp tài chính được đề xuất trên cơ sở Nhà nước là nhà đầu tư của phần lớn các nhiệm vụ KH&CN. Vì vậy, Nhà nước cần có các giải pháp để việc đầu tư mang lại hiệu quả cao nhất. Các giải pháp tài chính rất đa dạng và liên quan đến nhiều nội dung của hoạt động QLNN đối với các nhiệm vụ KH&CN. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến giải pháp tài chính đối với hoạt động thông tin về ứng dụng KQNC. Cụ thể như sau:

- *Quy định mục chi về bảo đảm thông tin cho thực hiện các nhiệm vụ KH&CN:*

Bảo đảm thông tin cho thực hiện các nhiệm vụ KH&CN gồm hai nội dung: bảo đảm thông tin phục vụ thẩm định nhiệm vụ KH&CN và bảo đảm thông tin trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Quy định mục chi cho các nội dung này, một mặt bắt buộc tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải tuân thủ các quy định về thông tin đối với nhiệm vụ KH&CN; mặt khác, tạo thuận lợi cho việc hoàn tất các thủ tục tài chính của nhiệm vụ KH&CN. Về vấn đề này, chúng tôi đề xuất giải pháp như sau:

+ Có mục chi cho việc bảo đảm thông tin phục vụ thẩm định nhiệm vụ KH&CN, chiếm khoảng từ 0,5 đến 1% tổng giá trị hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Kinh phí dành cho mục này được thanh toán toàn bộ không phụ thuộc vào kết quả thẩm định nhiệm vụ KH&CN;

+ Có mục chi cho việc bảo đảm thông tin thực hiện nhiệm vụ KH&CN, chiếm khoảng từ 1% đến 1,5% tổng giá trị hợp đồng thực

hiện nhiệm vụ KH&CN. Kinh phí dành cho mục này được thanh toán toàn bộ hoặc một phần phụ thuộc vào kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- *Tăng cường đầu tư cho thu thập, xử lý, phổ biến thông tin về KQNC:*

CSDL quốc gia về KH&CN do Cục thông tin KHCN quốc gia đang xây dựng là một trong những hệ thống thông tin tiêu biểu về KQNC. Những tiêu chí cơ bản bảo đảm chất lượng một hệ thống thông tin về KQNC là:

+ Bao quát đầy đủ các nguồn tin về KQNC;

+ Xử lý, lưu giữ thông tin bằng công nghệ và các tiêu chuẩn hiện đại, tiên tiến;

+ Cung cấp thông tin nhanh chóng, đầy đủ và chính xác;

+ Thân thiện với người sử dụng.

Để đạt được các tiêu chí trên, ngoài sự nỗ lực chủ quan của tổ chức/cá nhân quản trị hệ thống, còn phụ thuộc rất nhiều vào kinh phí đầu tư cho hệ thống, đặc biệt là đầu tư cho thu thập, xử lý, phổ biến KQNC. Về vấn đề này, chúng tôi đề xuất giải pháp như sau:

+ Tăng cường đầu tư để bảo đảm thu thập đầy đủ thông tin về KQNC cho CSDL quốc gia về KH&CN. Ngoài việc thu nhận thông tin từ các nguồn quy định trong Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN, các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cần được cấp kinh phí để thu thập thông tin từ các đối tượng nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư nói trên;

+ Đầu tư cho hoạt động phân tích-tổng hợp thông tin của CSDL quốc gia về KH&CN để tạo lập các sản phẩm dịch vụ thông tin về KQNC có giá trị gia tăng cao, thỏa mãn nhu cầu thông tin cho việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

5. Kết luận

Tạo ra những KQNC có thể ứng dụng rộng rãi vào thực tiễn là mong muốn đồng thời

Nghiên cứu - Trao đổi

cũng là đòi hỏi của xã hội đối với ngành KH&CN. Để có những KQNC như vậy, cần bảo đảm chất lượng tất cả các công đoạn trong quy trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN, bắt đầu từ công đoạn xác định, thẩm định nhiệm vụ KH&CN. Việc quy định mẫu phiếu kết quả tra cứu thông tin trong Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN cũng như các quy định đối với hoạt động về ứng dụng KQNC trong Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN thể hiện nhận thức sâu sắc của các nhà quản lý về vai trò quan trọng của thông tin trong việc thúc đẩy hoạt động ứng dụng KQNC. Tuy nhiên, để triển khai có hiệu quả các quy định nói trên vào thực tế, ngoài trách nhiệm của cơ

quan QLNN về KH&CN, cần có sự tham gia, phối hợp của các cơ quan QLNN thuộc các lĩnh vực liên quan, như: tài chính, kế hoạch và đầu tư, thông tin và truyền thông,... Đồng thời, phải thực hiện các giải pháp thúc đẩy hoạt động ứng dụng KQNC, trong đó quan trọng nhất là giải pháp kích “cầu”, chú trọng vào đối tượng sử dụng KQNC thuộc khu vực SXKD. Chỉ có như vậy mới có thể hạn chế được số lượng KQNC được “xếp ngăn kéo”, tăng cường hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, từng bước nâng cao vai trò của KH&CN đối với sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 18/6/2013.

2. Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

3. Quyết định số 271-QĐ ngày 06/06/1980 của Ủy ban KHKT nhà nước ban hành Quy định về đăng ký nhà nước để tài nghiên cứu KHKT và nộp báo cáo KQNC.

4. Thông tư số 648/THKH ngày 06/06/1980 của Ủy ban KHKT Nhà nước hướng dẫn thi hành Quy định về đăng ký Nhà nước để tài nghiên cứu KHKT và nộp báo cáo KQNC.

5. Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN ngày 16/3/2007 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

6. Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ KH&CN quy định về việc

thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ KH&CN qui định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

8. Hoạt động đăng ký, giao nộp, lưu giữ và sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học & phát triển công nghệ - Thực trạng và phương hướng hoàn thiện theo tinh thần Luật khoa học và công nghệ/Tạ Bá Hưng.- Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo “Đăng ký, giao nộp, lưu giữ và sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học & phát triển công nghệ theo quy định của Luật KH&CN” tổ chức tại Hà Nội ngày 16 tháng 11 năm 2001. Cơ quan chủ trì: Trung tâm Thông tin KHCNQG.

9. Khai thác và phổ biến báo cáo KQNC tại Trung tâm Thông tin KH&CN quốc gia/Phan Huy Quế.- Báo cáo tham luận tại Hội thảo “Đăng ký, giao nộp, lưu giữ và sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học & phát triển công nghệ theo quy định của Luật KH&CN” tổ chức tại Hà Nội ngày 16 tháng 11 năm 2001. Cơ quan chủ trì: Trung tâm Thông tin KHCNQG.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-5-2015; Ngày phản biện đánh giá: 2-8-2015; Ngày chấp nhận đăng: 18-10-2015).